MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỂ TÀI	1
1.Giới thiệu đề tài	1
2.Khảo sát các ứng dụng liên quan	2
3.Kết quả mong muốn đạt được	
3.1 Đối tượng và mục tiêu nghiên cứu	4
3.1.1Đối tượng:	4
3.1.2 Mục tiêu nghiên cứu:	4
3.1.3 Mục tiêu đề tài:	5
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT	6
2.1 Giới thiệu ngôn ngữ ASP.NET mô hình MVC 5 (M-V-C)	6
2.1.1 Sơ lược về ASP.NET	6
2.1.2 Lịch sử phát triển (nguồn gốc) của Asp.Net MVC	7
2.1.3 Kiến trúc của MVC 5	8
2.1.4 Sự khác biệt giữa ASP.NET Webform và ASP.NET MVC	9
2.1.5 Ưu điểm và nhược điểm	10
2.2 Các công nghệ sử dụng	10
2.2.1 Ngôn ngữ HTML 5	11
2.2.2 Ngôn ngữ CSS3	12
2.2.3 Ngôn ngữ Jquery	13
2.2.4 Google Font	14
2.2.5 Ngôn ngữ Ajax	15
2.2.6 Site Map	16
2.2.7 Seo website	16
2.2.8 Giới thiệu Bootstrap	18
2.2.9 Facebook API & Google API	19
2.3 Môi trường sử dụng để phát triển website	20
2.4 Tính thực tiển của ứng dụng	21
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ ỨNG DỤNG	22
3.1 Phân tích yêu cầu đề tài	22
3.2 Thiết kế Database theo yêu cầu của đề tài	27
3.2.1 Mô hình cơ sở dữ liệu trên SQL server 2014	27

3.2.2 Sơ đồ FlowChart của WebThoiTrang	28
3.2.3 Xác định các kiểu dữ liệu cho từng thuộc tính của từng bảng	29
CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	38
4.1 Giao diện chức năng và công nghệ thực hiện	38
4.1.1 Giao diện trang người dùng	38
CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN	56
5.1 Kết quả nhận được	56
5.1.1 Những điểm làm được	56
5.1.2 Những điểm chưa làm được	56
5.2 Hướng phát triển	57
CHƯƠNG 6: TÀI LIỆU THAM KHẢO	58

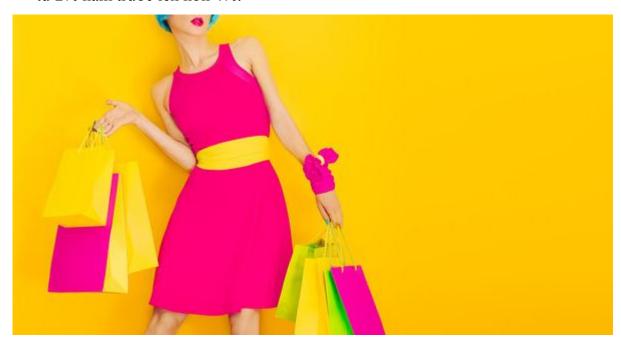
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI

1. Giới thiệu đề tài

- Việc kinh doanh mua bán là nhu cầu không thể thiêu đối với mỗi chúng ta. Trong thời đại cạnh tranh hiện nay việc giới thiệu sản phẩm kmh doanh đến từng cá nhân với chi phí thấp, hiệu quả cao là một vấn đề nan giải của người kinh doanh cùng với nhu cầu mua sấm với những sản phẩm đa chủng loại, đạt chất lượng và hợp túi tiền người tiêu dùng vì vậy thương mại điện tử đã ra đời và dần dần phát triển trên toàn thế giới.
- Việc phổ biến các sản phẩm của cửa hàng kinh doanh đến khách hàng thông qua các thông báo giá tuy nhiên chi phí khá cao vì số lượng sản phẩm ngày càng đa dạng và giá cả thay đổi liên tục và tính phổ biến không cao chưa đáp ứng được nhu cầu người dùng, thông tin nhà sản xuất, cập nhật giá sản phẩm, quản lý sản phẩm...
- ASP.NET MVC được biết đến là một lựa chọn thông minh cho việc thiết kế một Website, được xây dựng với 3 lớp chính, lớp giao diện (Views), lớp điều khiển (Controller) và lớp dữ liệu (Models). Việc chia một trang web thành nhiều lớp như thế này giúp giúp cho những lập trình viên có thể xây dựng một website với cấu trúc chặt chẽ, rõ rang. Với cấu trúc 3 lớp, việc nâng cấp hoặc thay thế một chức năng nào đó trở nên hết sức dễ dàng, và việc kiểm thử cũng sẽ đơn giản hơn.
- Nắm bắt được những ưu điểm và tình hình trên em tiến hành thiết kế website ShopThoiTrang bằng công nghệ ASP.NET MVC 5 để thực hiện đề tài và cũng như giúp cho các cửa hàng phát triển nhanh hơn và cửa hàng có thể quản lý shop của mình một cách tốt hơn.

2. Khảo sát các ứng dụng liên quan

- Theo khảo sát của Bizweb trong năm 2016, mức doanh thu của một số shop kinh doanh thời trang và phụ kiện trên mạng không vượt năm 2015.
- Thông qua khảo sát trên 5.000 chủ website trong hơn 27.000 khách hàng . Cụ thể năm 2016 có đến 82,1% shop đạt kết quả kinh doanh tốt, trong đó 36% có mức tăng trưởng doanh số trên 10%. Đây là những con số khả quan so với tỷ lệ 40% shop không tăng trưởng bán hàng.
- Xét về cơ cấu ngành hàng, số lượng shop kinh doanh mặt hàng thời trang phụ kiện vẫn nhiều nhất với 16,9%, tiếp đến là công nghệ, điện tử chiếm 11,7% và đồ gia dụng, sinh hoạt khoảng 7,4%. Riêng lĩnh vực dịch vụ, du lịch, khách sạn từ 2% năm trước lên hơn 4%.



- Một con số khá thú vị khác là có đến 3/4 shop online đầu tư một địa điểm bán hàng cụ thể. Kết quả khảo sát cũng cho thấy bán hàng tại cửa hàng là kênh tập trung nhiều khách và mang lại hiệu quả kinh doanh tốt nhất với 38,9% shop đánh giá hiệu quả tốt, kế đến là website (35,7%), Facebook (33,8%) và sàn giao dịch thương mại điện tử (11,9%). Theo đó doanh thu của gần 1/4 tổng số cửa hàng chỉ ngang hay thấp hơn năm 2015. Các chuyên gia cho rằng tình trạng này diễn ra do sự gia tăng về số lượng shop khiến cạnh tranh nhiều hơn, trong khi nhu cầu vẫn chưa có đột phá đáng kể. Những cửa hàng nào tạo cho mình điểm khác biệt mới có thể thu hút khách hàng thành công. Cụ thể trong năm qua, 92% shop bán hàng đã

- đầu tư cho quảng cáo, tiếp thị gia tăng và doanh thu cũng từ đó tăng lên cùng với nhu cầu mua sắm của mỗi người cũng tăng.
- Qua khảo sát thì em có nhiều website bán hàng đạt doanh thu cao trong tháng và năm, điển hình là 2 website:
- + Website AnhDayRoi.Com: Là 1 trong web mới được thành lập cách đây không lâu nhưng đã kiếm lại khoảng doanh thu lớn và là trang web bán hàng cạnh tranh với người anh đi trước nó là website Lazada.vn, Sendo..v..v...



+ Website Lazada.vn: Đây là trang web được xem như là chiếm số lượng khách hàng nhiều nhất từ khi mới thành lập tới nay và đặt doanh số cao trong những tháng, quý và năm.



Kết luận: Qua khảo sát 2 trang website trên em quyết định chọn website AnhDayRoi là chuẩn để thiết kế website của đề tài em.

3. Kết quả mong muốn đạt được

3.1 Đối tượng và mục tiêu nghiên cứu

3.1.1 Đối tượng: Mọi người trên toàn quốc có nhu cầu đặt mua hàng qua mạng.

3.1.2 Mục tiêu nghiên cứu:

- Học được những kiến thức mới.
- Tìm hiểu kĩ thuật lập trình, cách tổ chức và đối tượng trọng MVC 5.
- Tìm hiểu các công nghệ hỗ trợ như HTML5, CSS3, Ajax, Jquery, Web Sevice...
- Tìm hiểu cách hoạt động của Client Server.
- Tìm hiểu cách lưu trữ dữ liệu của hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server.
- Xây dựng trang web "chuẩn Seo".
- Áp dụng GoogleMapAPI để đánh dấu địa điểm của website trên bản đồ, chỉ dẫn đường đi từ vị trí của khách hàng đến cửa hàng của website, giúp thân thiện với người dùng hơn.

• Áp dụng Websivice để web cung cấp các thành phần ứng dụng như chuyển đổi tiền tê, báo cáo thời tiết...

3.1.3 Mục tiêu đề tài:

Vì là một website bán hàng, nên điều được nhóm chúng em chú trọng đó là tính thân thiện với người dùng, giao diện đẹp mắt, cách trình bày sản phẩm cũng như chi tiết sản phẩm, giá cả hợp lý cũng là cách để gây ấn tượng tốt với khách hàng.

Cả khách hàng và nhà quản lý sẽ cảm thấy thoải mái khi sử dụng một trang web đẹp và dễ truy cập.

➤ Khách hàng

- Tham quan trang web.
- Tìm kiếm và lựa chọn sản phẩm cần mua.
- Thực hiện việc mua hàng và thanh toán trực tuyến.
- Gửi ý kiến phản hồi, bình luận về sản phẩm.

➤ Nhà quản trị

- Quản lý trang web của mình thông qua tài khoản Admin rõ ràng, dễ sử dụng.
- Quản lý tất cả các sản phẩm một cách dễ dàng.
- Thêm, xóa, sửa thông tin trong cơ sở dữ liệu nhanh chóng.
- Kiểm tra và xử lý đơn đặt hàng.
- Theo dõi và phản hồi ý kiến khách hàng.
- Phân quyền cho nhân viên để có thể cùng quản lý trang web.

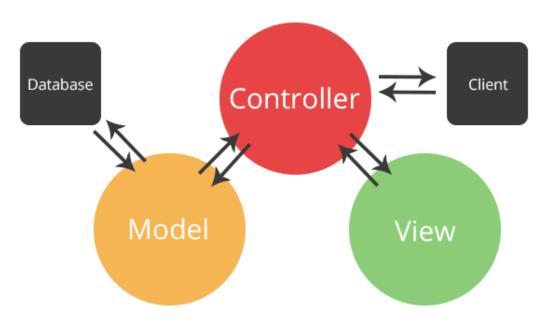
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1 Giới thiệu ngôn ngữ ASP.NET mô hình MVC 5 (Model – View – Controller)

2.1.1 Sơ lược về ASP.NET

- Asp.Net MVC là một Framework sử dụng .Net Framework cho việc phát triển ứng dụng web động, trước khi Asp.Net MVC ra đời, lập trình viên sử dụng công nghệ Asp.Net Web Form trên nền tảng .Net Framework để phát triển ứng dụng Web động.
- Asp.Net MVC phát triển trên mẫu thiết kế chuẩn MVC, cho phép người sử dụng phát triển các ứng dụng phần mềm. MVC là tên một mẫu phát triển ứng dụng, phương pháp này chia nhỏ một ứng dụng thành ba thành phần để cài đặt, mỗi thành phần đóng một vai trò khác nhau và ảnh hưởng lẫn nhau, đó là models, views và controllers.

Hình vẽ sau đây mô tả mô hình thiết kế MVC.



Hình 2.1: Mẫu thiết kế MVC

2.1.2 Lịch sử phát triển (nguồn gốc) của Asp.Net MVC

Asp.Net 1.0 : Phiên bản đầu tiên được phát hành vào tháng 3 năm 2009 trên nền tảng bộ .Net Framework 3.5 bộ Visual Studio 2008.

Asp.Net 2.0 : Phiên bản này được phát hành vào tháng 3 năm 2010 trên bộ .Net Framework 3.5 và .Net Framework 4.0 bô Visual Studio 2010.

Asp.Net MVC 3: Phiên bản này được phát hành vào tháng 1 năm 2011 trên nền tảng bộ .Net Framework 4.0, các đặc điểm chính của phiển bản này: So với phiên bản ASP.NET MVC2 thì tính năng mới được hỗ trợ thêm HTML5 và CSS3; tính năng này chỉ hỗ trợ cho những trình duyệt mới; Cải thiện về Model validation; Hỗ trợ 2 View Engine: RAZOR, ASPX, kể cả Open source trong khi ASP.NET MVC2 chỉ có ASPX; Controller được cải tiến hơn như thuộc tính ViewBag và kiểu ActionResult; Cải thiện Dependency Injection với IDpendencyResolver (có 2 phần: DependencyResolver và interface IDpendencyResolver)trong ASP.NET MVC3; đây là lớp thực thi mô hình ServiceLocator.

Asp.Net 4.0: Phiên bản này được phát hành vào tháng 8 năm 2012 trên nền tảng bộ .Net Framework 4.0 và .Net Framework 4.5 trên phiên bản Visual Studio 2010 SP1 and Visual Studio 2012. Phiên bản này có các đặc điểm chính như sau : ASP.NET Web API ra đời, nhằm đơn giản hoá việc lập trình với HTML hiện đại và đây là một cải tiến mới thay cho WCF Web API; Mặc định của dự án được cải thiện hơn về hình thức bố trí, giúp dễ nhìn hơn; Mẫu Empty Project là project trống, phù hợp cho những tín đồ developer muốn nâng cao khả năng lập trình với ASP.NET MVC4; Giới thiệu jQuery Mobile, và mẫu Mobile Project cho dự án; Hỗ trợ Asynchrnous Controller

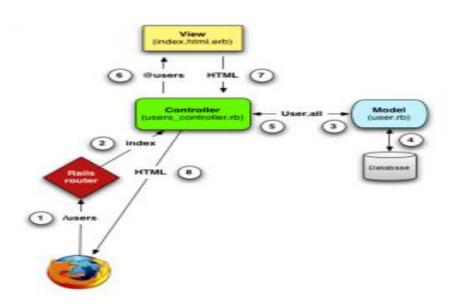
Asp.Net MVC 5: Phiên bản này được phát hành vào tháng 10 năm 2013 trên nền tảng bộ .Net Framework 4.5 và .Net Framework 4.5.1 trên phiên bản Visual Studio 2013. Các đặc điểm chính của phiên bản này như sau : Với MVC5 thì cải tiến hơn so với ASP.NET MVC4, Bootstrap được thay thế mẫu MVC mặc định; Chứng thực người dùng Authentication Filter được tuỳ chỉnh hoặc chứng thực từ hãng thứ 3 cung cấp; Với Filter overrides, chúng ta có thể Filter

override trên Method hoặc Controller; Thuộc tính Routing được tích hợp vào MVC5

2.1.3 Kiến trúc của MVC 5

MVC viết tắt của các chữ cái đầu của Models, Views, Controllers. MVC chia giao diện UI thành 3 phần tương ứng: đầu vào của controller là các điều khiển thông qua HTTP request, model chứa các miền logic, view là những thứ được sinh ra trả về cho trình duyệt.

- Model: Model chứa và thể hiện các đặc tính và logic ứng dụng. Theo một cách hiểu khác, Model đại diện cho dữ liệu và logic cốt lõi. Nó chính là những lớp (class) chứa thông tin về các đối tượng mà ta cần phải thao tác, làm việc trên nó. VD: "Áo thun nữ" chứa các thông tin như "Tên", "Size", "Giá"...
- View: View làm nhiệm vụ thể hiện 1 Model hay nhiều Model một cách trực quan. Nói cách khác nó nhận thông tin (1 Model hay nhiều Model) sau đó biểu diễn lên trang web.
- Controller: Controller nằm giữa tầng View và Model, làm nhiệm vụ tiềm kiếm, xử lý một hoặc nhiều Model, sau đó gửi Model tới View để View hiển thị.



2.1.4 Sự khác biệt giữa ASP.NET Webform và ASP.NET MVC

Tính năng	ASP.NET Webform	ASP.NET MVC
Kiến trúc chương	Kiến trúc mô hình WebForm ->	Kiến trúc sử dụng việc phân chia
trình	Business -> Database	chương trình thành Controllers,
		Models, Views
Cú pháp chương trình	Sử dụng những cú pháp của	Các sự kiện được điều khiển bởi
	webform, tất cả các sự kiện và	Controllers, các controls không
	control do server quản lý	do server quản lý
Truy cập dữ liệu	Sử dụng hầu hết các công nghệ	Phần lớn dung LinQ to SQL class
	truy cập dữ liệu trong ứng dụng	để tạo mô hình truy cập đối tượng
Debug	Debug chương trình phải thực hiện	Debug có sử dụng các unit test
	tất cả bao gồm các lớp truy cập dữ	kiểm tra các phương thức trong
	liệu, sự hiển thị, điều khiển các	controller
	controls	
Tốc độ phân tải	Tốc độ phân tải chậm khi trong	Phân tải nhanh hơn do không phải
	trang có quá nhiều controls vì	quản lý ViewState để quản lý các
	ViewState quá lớn	control trong trang
Tương tác với	Tương tác với Javacrip khó khăn	Tương tác với Javacrip dễ dàng vì
Javacrip	vì các controls được điều khiển	các đối tượng không do server
	bởi server	quản lý
URL address	Cấu trúc URL có dạng	Cấu trúc địa chỉ rành mạch theo
	<filename>.aspx?&<các số="" tham=""></các></filename>	dạng Controllers/Action/Id

2.1.5 Ưu điểm và nhược điểm

➤ Ưu điểm

- Lợi ích của việc dùng phương pháp MVC là sự phân đoạn rõ ràng giữa models, views, controllers bên trong ứng dụng. Cấu trúc sạch sẽ giúp cho việc kiểm tra lỗi ứng dụng dễ dàng hơn.
- ASP.NET MVC được thiết kế một cách gọn nhẹ giảm thiểu sự phức tạp của việc xây dựng ứng dụng web bằng cách chia 1 ứng dụng thành 3 tầng (layer): Model, View và Controller. Sự chia nhỏ này giúp lập trình viên dễ dàng kiểm soát các thành phần trong khi phát triển, cũng như lợi ích lâu dài trong việc kiểm tra, bảo trì và nâng cấp.
 - Hệ thống định tuyến mới mạnh mẽ.
 - Hỗ trợ kết hợp tốt giữa người lập trình và người thiết kế giao diện.

➤ Nhược điểm

- Tốn thời gian trung chuyển giữa các tầng.
- Đối với các dự án nhỏ, áp dụng mô hình MVC gây cồng kềnh, tốn thời gian trong quá trình xây dựng và phát triển.

2.2 Các công nghệ sử dụng



2.2.1 Ngôn ngữ HTML 5



Hình 2.2: Ngôn ngữ HTML 5

HTML5 là ngôn ngữ sửa đổi thứ 5 của HTML, được phát triển bởi nhóm Web Hypertext Application Technology Working Group (WHATWG) từ 10/2009, dưới dự án Web Application 1.0, hoàn thiện năm 2002.

➤ Khái niệm

Về cơ bản, HTML 5 là một phiên bản mới của HTML / XHTML trong đó nó đặc biệt tập trung vào những mong muốn và nhu cầu của các nhà phát triển ứng dụng web. Nó cho phép các nhà phát triển thực hiện nhiều tính năng mới trong những điều mà họ tạo ra, ví dụ có rất nhiều chức năng kéo và thả mới, các yếu tố kết cấu mới cũng được cải thiện nhằm hỗ trợ cho âm thanh và video.

➤ Công dụng, tiện ích:

- HTML5 làm giảm tầm quan trọng của các plug-ins
- HTML5 hỗ trợ đồ họa tương tác
- HTML5 cho phép các ứng dụng kết nối tới khu vực lưu trữ file
- HTML5 sẽ đơn giản hóa chia nhỏ dữ liệu
- HTML5 giúp hợp nhất các địa chỉ
- HTML5 làm video của Web đẹp hơn
- HTML5 tạo ra wiget chat
- HTML5 có thể tăng khả năng bảo mật
- HTML5 đơn giản hóa việc phát triển web

2.2.2 Ngôn ngữ CSS3



Hình 2.3: Ngôn ngữ CSS 3

CSS3 là phiên bản mới nhất của CSS, được chia thành module, các thành phần cũ được chia nhỏ và bồ sung thành các thành phần mới. Lần đầu được công bố vào tháng 6/1998 vẫn đang được tiếp tục phát triển và hoàn thiện cho đến nay.

➤ Khái niệm

CSS 3 được xây dựng dựa trên các nguồn gốc của các style, selectors và cascade dựa trên phiên bản cũ của CSS 2.0 trước đó. Nó cho phép thực thi thêm một số tính năng mới, bao gồm cả mới selectors, pseudo-class và các properties. Bằng cách sử dụng các tính năng mới này, việc thiết kế trình bày template của bạn sẽ trở nên dễ dàng hơn rất nhiều.

> Công dụng, tiện ích

- Tạo ra một số hiệu ứng đẹp và phong cách transparent backgrounds, shadows và gradients mà không sử dụng ảnh
- Tạo các animation mà không sử dụng flash
- Tùy chỉnh layout và thiết kế trang web sao cho phù hợp với thiết bị của người dùng (mobile, iPad hoặc desktop) mà không sử dụg Javascript.

2.2.3 Ngôn ngữ Jquery



Hình 2.4: Ngôn ngữ jquery

➤ JQuery là gì?

- Là 1 Javascript Framework, tạo các tương tác trên web một cách nhanh nhất
- JQuery được khởi xướng bởi John Resig vào năm 2006
- JQuery có mã nguồn mở và hoàn toàn miễn phí, có một cộng đồng sử dụng đông, nhiều lập trình tham gia hoàn thiện, phát triển và viết Plugin

➤ Điểm mạnh của JQuery

- JQuery đơn giản hóa cách viết Javascript và tăng tốc độ xử lý các sự kiện trên trang web, giúp tiết kiệm thời gian và công sức so với cách viết javascript thông thường.
 - Bên cạnh đó, việc sử dụng jQuery giúp giải quyết tốt vấn đề xung đột giữa các trình duyệt web.
 - Hỗ trợ tốt việc xử lí các vấn đề thường gặp (DOM, AJAX...)
 - Tương thích nhiều trình duyệt web phổ biến.
 - Nhỏ gọn, dễ dùng, có nhiều tài liệu hướng dẫn sử dụng chi tiết.
 - Ít xung khắc với các thư viện Javascript khác.
 - Plugin phong phú.
 - Được hỗ trợ bởi hầu hết các trình duyệt hiện đại.
 - Cập nhật và hỗ trợ các công nghệ web mới nhất(như HTML5 và CSS3).

> Công dụng và tiện ích

- Hướng tới các thành phần trong HTML : jQuery cho phép bạn chọn bất cứ thành phần nào của tài liệu một cách dễ dàng dựa vào jQuery selector.
- Thay đổi giao diện của một trang web: Jquery không phải chỉ có thể thay đổi bề ngoài của trang web, nó cũng có thể thay đổi nội dung của chính tài liệu đó chỉ với vài dòng code.

- Thay đổi nội dung của tài liệu: JQuery có thể thêm hoặc bớt nội dung trên trang, thậm chí cả cấu trúc HTML của một trang web cũng có thể được viết lại và mở rộng.
- Tương tác với người dùng: jQuery cho bạn nhiều phương thức để tương tác với người dùng và tối giản các mã Event trong code. HTML
- Tạo hiệu ứng động: jQuery cho phép bạn sử dụng rất nhiều hiệu ứng động như mờ dần, slideUp, slideDown()...
 - Hỗ trợ Ajax.

2.2.4 Google Font

Google Fonts

Hình 2.5: Google font

Google font đã phát triển nhanh chóng và được nhiều lập trình viên ứng dụng trong việc làm đẹp và sinh động thêm cho website của mình. Hiện tại google có khoảng 629 font families, đủ để bạn lựa chọn font phù hợp cho chính website của mình. Google font cũng đã phát triển một kho dữ liệu đồ sộ để phục vụ người dùng.

Đặc điểm chính

- Quản lý fonts theo domain
- Khi xử lý mà thấy domain của bạn không đúng thì sẽ không cho sử dụng.

2.2.5 Ngôn ngữ Ajax



Hình 2.6: Ngôn ngữ Ajax

➤ Ajax là gì?

- Là một nhóm các công nghệ phát triển web được sử dụng để tạo các ứng dụng web động.
- JQuery được khởi xướng bởi ông Jesse James Garrett vào tháng 2 năm 2005.
- Ajax là một kỹ thuật phát triển web có tính tương tác cao bằng cách kết hợp các ngôn ngữ:

➤ Công dụng và tiện ích

- Trong nhiều trường hợp, các trang web chứa rất nhiều nội dung thông thường trong trang. Nếu sử dụng các phương pháp truyền thống, những nội dung đó sẽ phải nạp lại toàn bộ với từng yêu cầu. Tuy nhiên, nếu sử dụng Ajax, một ứng dụng web có thể chỉ yêu cầu cho các nội dung cần thiết phải cập nhật, do đó giảm lượng lớn băng thông và thời gian nạp trang
- Việc dùng các yêu cầu không đồng bộ (asynchronous request) cho phép giao diện người dùng của ứng dụng hiển thị trên trình duyệt giúp người dùng trải nghiệm sự tương tác cao, với nhiều phần riêng lẻ.
- Việc sử dụng Ajax có thể làm giảm các kết nối đến server, do các mã kịch bản (script) và các style sheet chỉ phải yêu cầu một lần.

2.2.6 Site Map



Hình 2.7: Site Map

➤ SiteMap là gì?

- Sitemap là một danh lục liệt kê tất cả các mục thông tin trên trang web của bạn cùng sự mô tả ngắn gọn cho các mục thông tin đó.
- Sitemap có 2 loại : 1 loại cho người dùng xem, 1 loại cho các con bọ tìm kiếm xem.

➤ Công dụng và tiện ích

- Dễ dàng trong thực hiện tìm kiếm nhanh để tìm ra thông tin cần thiết cũng như trong việc di chuyển thông qua các đường link trên website.
- Là một sơ đồ hoàn hảo nhất của website.

2.2.7 Seo website



Hình 2.8: Seo website

➤ Khái niệm

SEO viết tắt của cụm từ Search Engine Optimization (tối ưu hóa công cụ tìm kiếm). SEO là một tập hợp các phương thức nhằm nâng cao thứ hạng của một website trong các trang kết quả của các công cụ tìm kiếm và có thể được coi như là một cách thức tiếp thị qua công cụ tìm kiếm như Google, Bing, Yahoo...

➤ Thế nào gọi là web chuẩn seo?

Những yếu tố cơ bản để website chuẩn Seo.

- Tên miền

Chọn tên miền có tính liên quan cao đến nội dung wesite. Có thể chứa một vài từ khóa chính của website càng tốt, tên miền có thời gian sử dụng càng lâu càng được đánh giá cao.

- Thiết kế website

- Tối ưu hóa Url website: Url nên mã hóa theo tiêu đề bài viết, có liên quan tới nội dung bài viết, keywords, description.
- Title (tiêu đề bài viết) thẻ này luôn đặt trên cùng và chứa nội dung liên quan tới nội dung bài viết, url website. Độ dài của title khoảng 60-65 ký tự
- Keywords (từ khóa) nội dung thẻ này không chứa quá nhiều từ khóa, tổng số ký tự không quá 160 ký tự.
- Description (mô tả) nội dung thẻ này không chứa quá nhiều từ khóa, tổng số ký tự không quá 160 ký tự. Mô tả ngắn gọn về nội dung bài viết.
- Luôn đặt tiêu đề bài viết, từ khóa quan trọng trong thẻ h1, h2, h3...theo thứ tự ưu tiên quan trọng của từ khóa.
- Tạo sitemap chứa liên kết đến các trang nội dung trên website. Nó cho phép người dùng có thể dễ dàng tìm kiếm và truy cập đến nội dung mà họ cần.

- Biên tập nội dung

- Không nên nhồi nhét quá nhiều từ khóa vào mỗi trang web, hãy chọn những từ khóa tiêu biểu và đặt vào phần cuối của nội dung bài viết.
- Không nên dùng bài viết của các trang web khác, bọ tìm kiếm của google sẽ đánh giá thấp web của bạn.
- Thẻ meta description phải chứa từ khóa quan trọng lẫn từ khóa phụ, được gọi là bổ nghĩa cho nó nhưng vẫn thân thiện với các truy vấn tìm kiếm.
- Tiêu đề bài viết luôn được nằm trong cặp thẻ h1.

- Đặt link về các trang tác giả, trang phân tích có tính uy tính cao. Điều này sẽ giúp cho bài viết của ban có tính thuyết phục và đô tin tưởng cao.
- Cập nhật thông tin thường xuyên trên website của bạn. Điều này quan trọng nhất nó sẽ giúp cho bạn lôi cuốn được người đọc ghé thăm và nên nhớ nội dung nên tập trung vào các xu hướng hiện tại và phải liên quan đến chủ đề của website.

2.2.8 Giới thiệu Bootstrap



Hình 2.9: Bootstrap

➤ Bootstrap là gì?

- Bootstrap là một framework cho phép thiết kế website reponsive nhanh và dễ dàng hơn
- Bootstrap gồm: HTML, CSS và Javascript
- Bootstrap có thêm các plugin Javascript trong nó.
- Bootstrap được phát triển bởi Mark Otto và Jacob Thornton tại Twitter.
- Nó được xuất bản như là một mã nguồn mở
- Vào 08/2011 trên GitHub.
- Phiên bản mới nhất là bootstrap 3.3.7.

➤ Công dụng và tiện ích

- Rất dể sừ dụng.
- Đơn giản vì được dựa trên HTML, CSS và Javascript.
- Giảm thời gian thiết kế website.
- Thiết kế 1 Web chuẩn SEO.
- Tính năng Responsive: Bootstrap xây dựng sẵn reponsive css trên các thiết bị phones, tablets và desktops

- Tương thích với trình duyệt và thiết bị Mobile: tương thích với tất cả các trình duyệt (Chrome, Coccoc, Firefox, Internet Explorer, Safari, and Opera), Điện Thoại, Máy tính bảng, Laptop.
- Dễ dàng tùy biến

2.2.9 Facebook API & Google API

- API (Application Programming Interface tạm dịch: giao diện lập trình ứng dụng) là một giao diện mà một hệ thống máy tính hay ứng dụng cung cấp để cho phép các yêu cầu dịch vụ có thể được tạo ra từ các chương trình máy tính khác và cho phép dữ liệu có thể được trao đổi qua lại giữa chúng. Có thể nói ngắn gọn hơn là 1 phần mềm trung gian giúp các chương trình ứng dụng tương tác qua lại với nhau và chia sẻ dữ liệu.
- Ngày 7 tháng 2 năm 2000, web API lần đầu xuất hiện dưới sự giới thiệu của
 Salesforce trong hội thảo IDG Demo. (twitter/facebook(2006), google(2007))
- Facebook API:
 - Facebook API hiện nay đã trở nên quen thuộc với những lập trình viên khi triển khai kết nối giữa Website và Facebook.
 - Những ứng dụng đơn giản như: đăng nhập qua tài khoản Facebook, tích hợp Facebook like ,share , comment vào website, tạo quảng cáo... đều được hầu hết các website áp dụng.
 - o Cho phép mọi người xây dựng các ứng dụng trên Facebook và Web.

• Google API:

- Google API là một tập hợp các giao diện lập trình ứng dụng (API) được phát triển bởi Google cho phép giao tiếp các Dịch vụ Google và tích hợp với các dich vu khác.
- Các API cung cấp chức năng như phân tích, hoặc truy cập vào dữ liệu người dùng (khi cho phép đọc dữ liệu được đưa ra) ví dụ như là: Google Map trên Web, đăng nhập qua tài khoản Google, tạo quảng cáo, ...





Google Maps

2.3 Môi trường sử dụng để phát triển website

- ➤ Môi trường để thiết kế website của đề tài nhóm em là: Visua studio 2015 và Microsoft SQL Server 2014.
 - Visua studio 2015



Hình 2.10: Visua studio 2015

• Microsoft SQL Server 2014.



2.4 Tính thực tiển của ứng dụng

Mua hàng trực tuyến (mua hàng online) mang lại sự tiện lợi, lựa chọn đa dạng hơn và các dịch vụ tốt hơn cho người tiêu dùng, thế nhưng người tiêu dùng Việt Nam vẫn chưa tận hưởng được những tiện ích đó. Chính vì vậy các website ShopThoiTrang được triển khai với mong muốn trở thành nơi mua sắm trực tuyến tại Việt Nam, nơi bạn có thể chọn lựa mọi thứ, từ các mặt hàng quần áo nam, nữ, áo thun nữ, đầm chân váy, giày nam, nữ hay là đồng hồ...

Tại website mọi người có thể mua đồ nam, nữ giá rẻ cũng như các loại mặt hàng khác với rất nhiều các chương trình khuyến mãi hàng tháng. Ngoài ra bạn cũng có thể tham gia bán hàng trực tuyến. Bây giờ mọi người có thể trải nghiệm mua hàng online thỏa thích mà website mang lại chỉ với 1 click chuột. Dù bạn là một nhà quản lý bận rộn với công việc hay là người nội trợ với danh sách dài việc phải làm, chắc chắn bạn cũng sẽ yêu thích trải nghiệm mua hàng onlinemua hàng trực tuyến dễ dàng hơn, thuận tiên hơn và tiết kiệm thời gian.

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ ỨNG DỤNG

3.1 Phân tích yêu cầu đề tài.

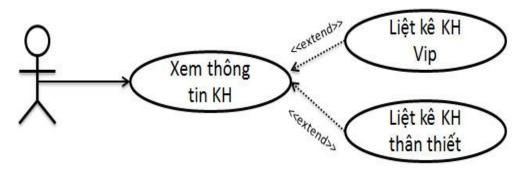
Một biểu đồ Use case chỉ ra một số lượng các tác nhân ngoại cảnh và mối liên kết của chúng đối với Use case mà hệ thống cung cấp. Một Use case là một lời miêu tả của một chức năng mà hệ thống cung cấp. Lời miêu tả Use case thường là một văn bản tài liệu, nhưng kèm theo đó cũng có thể là một biểu đồ hoạt động. Các Use case được miêu tả duy nhất theo hướng nhìn từ ngoài vào của các tác nhân (hành vi của hệ thống theo như sự mong đợi của người sử dụng), không miêu tả chức năng được cung cấp sẽ hoạt động nội bộ bên trong hệ thống ra sao. Các Use case định nghĩa các yêu cầu về mặt chức năng đối với hệ thống.

> Use case quản lý khách hàng

Tác nhân: Nhân viên

Điều kiện: Phải đăng nhập vào hệ thống.

Mô tả: Nhân viên sau khi đăng nhập được. Tìm khách hàng theo mã hoặc tên rồi sau đó có thể tùy chọn các chức năng tương ứng như liệt kê khách hàng Vip, liệt kê khách hàng thân thiết.

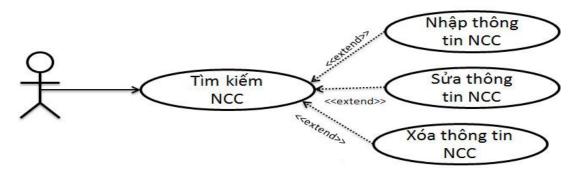


> Use case quản lý nhà cung cấp

Tác nhân: nhân viên

Điều kiện: Phải đăng nhập vào hệ thống.

Mô tả: Nhân viên sau khi đăng nhập được. Tìm nhà cung cấp theo tên hoặc địa chỉ rồi sau đó có thể tùy chọn các chức năng tương ứng như nhập thông tin nhà cung cấp, xóa thông tin nhà cung cấp, sửa thông tin nhà cung cấp

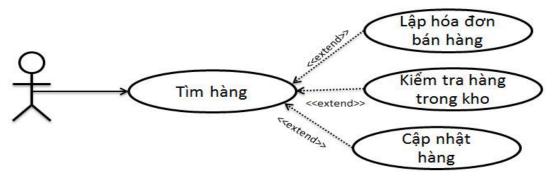


> Use case quản lý bán hàng

Tác nhân: Nhân viên

Điểu kiện: Phải đăng nhập được vào hệ thống.

Mô tả: Dựa vào yêu cầu của khách hàng, nhân viên sẽ lập hóa đơn bán hàng, kiểm tra hàng trong kho xem có còn hayđáp ứng được không (tìm hàng), nếu đáp ứng được thì sẽ giao hàng cho khách hàng và cập nhật thông tin hàng bán vào hệ thống. Nếu hàng trong kho không đáp ứng được thì thông báo cho khách hàng.

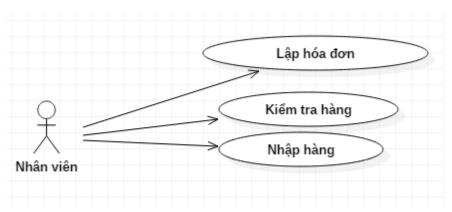


> Use case quản lý nhập hàng

Tác nhân: Nhân viên

Điểu kiện: Phải đăng nhập được vào hệ thống.

Mô tả: Dựa vào yêu cầu của khách hàng, nhân viên sẽ lập hóa đơn bán hàng, kiểm tra hàng trong kho xem có còn hay đáp ứng được không (tìm hàng), nếu đáp ứng được thì sẽ giao hàng cho khách hàng và cập nhật thông tin hàng bán vào hệ thống. Nếu hàng trong kho không đáp ứng được thì thông báo cho khách hàng.



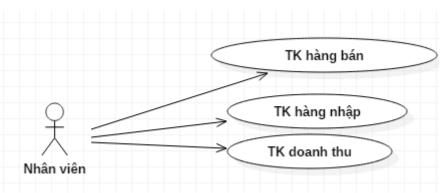
> Use case báo cáo thống kê

Tác nhân: Nhân viên

Điều kiện: Đăng nhập được vào hệ thống

Mô tả: Cuổi tháng nhân viên sẽ thống kê hàng bán, hàng nhập, thống kê doanh thu

và báo cáo cho quản lý.



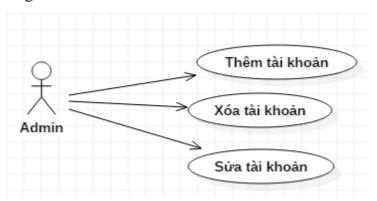
> Use case quản lý tài khoản

Tác nhân: Admin

Điều kiện: Đăng nhập được vào hệ thống

Mô tả: Khi có nhân viên mới vào làm việc trong hệ thống hoặc có nhân viên ghỉ

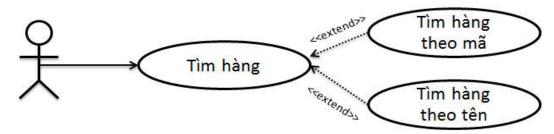
việc trong hệ thống



> Use case quản lý tìm hàng

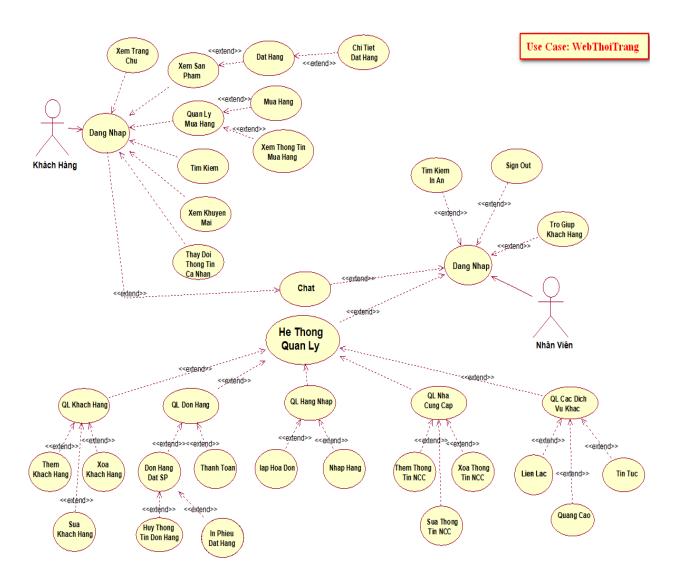
Tác nhân: Khách hàng

Mô tả: Khách hàng có thể tìm hàng theo tên hàng hoặc theo mã hàng. Nhập thông tin về mã hàng hoặc tên hàng, hệ thống sẽ tìm kiếm theo yêu cầu và gửi kết quả lại cho khách hàng biết.



> Use case chi tiết

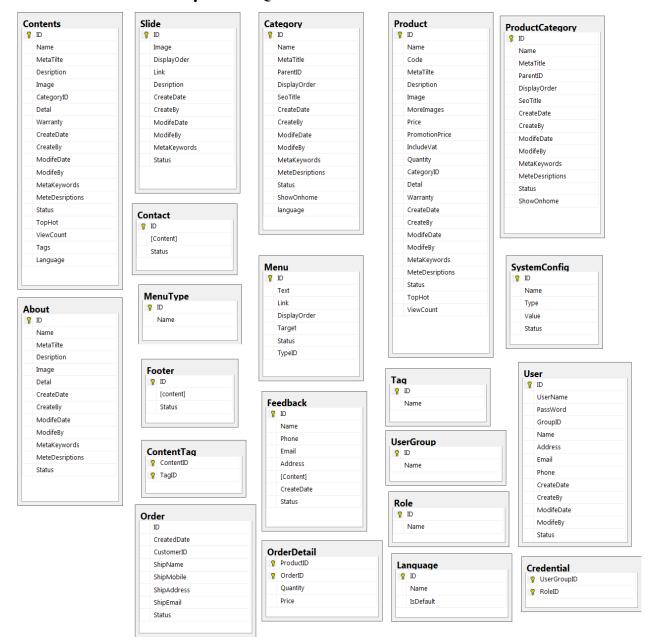
Dựa vào các use case đã được phân rã, ta tổng hợp lại tất cả các use case.



Hình 3.11: Sơ đồ tổng hợp use case

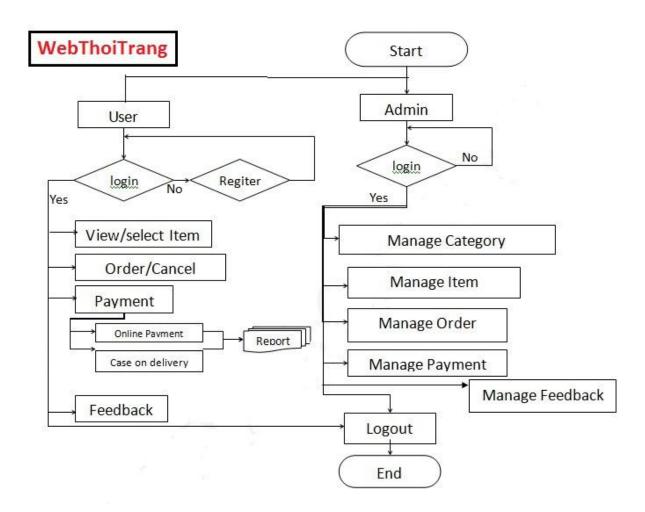
3.2 Thiết kế Database theo yêu cầu của đề tài.

$3.2.1\,$ Mô hình cơ sở dữ liệu trên SQL server $2014\,$



3.2.2 Sơ đồ FlowChart của WebThoiTrang

Lưu đồ là một loại sơ đồ biểu diễn một thuật toán hoặc một quá trình, biểu hiện các bước công việc dưới dạng các loại hình hôp khác nhau theo thứ tự được biểu diễn bởi các mũi tên. Sơ đồ này có thể thể hiện giải pháp cho vấn đề cần giải quyết từng bước từng bước một. Các bước quá trình được hiển thị dưới dạng các hình hộp được nối với nhau bằng các mũi tên để thể hiện dòng điều khiển. Dòng dữ liệu thường không được thể hiện trong lưu đồ, không giống như trong lưu đồ dòng dữ liệu; thay vào đó, dữ liệu được ẩn vào trong chuỗi các hành động. Lưu đồ được dùng trong phân tích, thiết kế, phân loại hoặc quản lý công việc hoặc chương trình trong nhiều lĩnh vực khác nhau.



3.2.3 Xác định các kiểu dữ liệu cho từng thuộc tính của từng bảng

[1] Bång About (<u>ID</u>, Name, MetaTilte, Desription, Image, Detal, CreateDate, CreateBy, ModifeDate, ModifeBy, MetaKeywords, MeteDesriptions, Status)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
ID	bigint	NO	ID
Name	nvarchar(250)	YES	Tên
MetaTilte	varchar(250)	YES	Thẻ tiêu đề
Desription	nvarchar(500)	YES	Miêu tả
Image	nvarchar(250)	YES	Hình ảnh
Detal	ntext	YES	Chi tiết
CreateDate	datetime	YES	Ngày tạo
CreateBy	varchar(50)	YES	Tạo bởi
ModifeDate	datetime	YES	Sửa ngày
ModifeBy	varchar(50)	YES	Người chỉnh sửa
MetaKeywords	nvarchar(250)	YES	Thẻ từ khóa
MeteDesriptions	nchar(250)	YES	Thẻ miêu tả
Status	bit	YES	Trạng thái

[2] Bång Category (<u>ID</u>, Name, MetaTilte, ParentID, DisplayOrder, SeoTitle, CreateDate, CreateBy, ModifeDate, ModifeBy, MetaKeywords, MeteDesriptions, Status, language)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
ID	bint	NO	ID
Name	nvarchar(250)	YES	Tên
MetaTilte	varchar(250)	YES	Thẻ tiêu đề
ParentID	nvarchar(500)	YES	Miêu tả
DisplayOrder	nvarchar(250)	YES	Hình ảnh
SeoTitle	ntext	YES	Chi tiết
CreateDate	datetime	YES	Ngày tạo
CreateBy	varchar(50)	YES	Tạo bởi
ModifeDate	datetime	YES	Sửa ngày
ModifeBy	varchar(50)	YES	Người chỉnh sửa
MetaKeywords	nvarchar(250)	YES	Thẻ từ khóa
MeteDesriptions	nchar(250)	YES	Thẻ miêu tả
Status	bit	YES	Trạng thái
language	varchar(2)	YES	Ngôn ngữ

[3] Bång Contact (ID, [Content], Status)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
ID	int	NO	ID
[Content]	ntext	YES	Tên
Status	Bit	YES	Trạng thái

[4] Bång Contents (<u>ID</u>, Name, MetaTilte, Desription, Image, CategoryID, Detal ,Warranty, CreateDate, CreateBy, ModifeDate, ModifeBy, MetaKeywords, MeteDesriptions, Status, TopHot, ViewCount, Tags, Language)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
ID	bint	NO	ID
Name	nvarchar(250)	YES	Tên
MetaTilte	varchar(250)	YES	Thẻ tiêu đề
Desription	nvarchar(500)	YES	Miêu tả

Image	nvarchar(250)	YES	Miêu tả
CategoryID	bigint	YES	Hình ảnh
Detal	ntext	YES	Chi tiết
Warranty	int	YES	Chi tiết
CreateDate	datetime	YES	Ngày tạo
CreateBy	varchar(50)	YES	Tạo bởi
ModifeDate	datetime	YES	Sửa ngày
ModifeBy	varchar(50)	YES	Người chỉnh sửa
MetaKeywords	nvarchar(250)	YES	Thẻ từ khóa
MeteDesriptions	nchar(250)	YES	Thẻ miêu tả
Status	bit	NO	Trạng thái
TopHot	datetime	YES	Nổi bật
ViewCount	int	YES	Đếm click
Tags	nvarchar(500)	YES	Thẻ
Language	varchar(2)	YES	Ngôn ngữ

[5] Bång ContentTag (ContentID, TagID)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
ContentID	bigint	NO	ID the
TagID	varchar(50)	NO	ID nội dung

[6] Bång Credential (<u>UserGroupID</u>, <u>RoleID</u>)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
UserGroupID	varchar(20)	NO	ID nhóm user
RoleID	varchar(50)	NO	ID vai trò

[7] Bång Feedback(<u>ID</u>,Name,Phone,Email,Address,[Content],CreateDate,Status)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
ID	int	NO	ID
Name	nvarchar(50)	YES	Tên
Phone	nvarchar(20)	YES	Điện thoại
Email	nvarchar(50)	YES	Email
Address	nvarchar(50)	YES	Địa chỉ
[Content],	nvarchar(250)	YES	Nội dung
CreateDate	datetime	YES	Ngày tạo
Status	bit	YES	Trạng thái

[8] Bång Footer (ID, [Content], Status)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
ID	varchar(50)	NO	ID
[Content]	ntext	YES	Nội dung
Status	bit	YES	Trạng thái

[9] Bång Language (ID, Name, IsDefault)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
ID	varchar(2)	NO	ID
Name	nvarchar(50)	YES	Tên
IsDefault	bit	YES	Mặc định

[10] Bång Menu (ID, Text, Link, DisplayOrder, Target, Status, TypeID)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
ID	int	NO	ID
Text	nvarchar(50)	YES	Văn bản
Link	nvarchar(250)	YES	Đường dẫn
DisplayOrder	int	YES	Hiển thị đơn đặt hàng

Target	nvarchar(50)	YES	Mục tiêu
Status	Bit	YES	Trạng thai
TypeID	int	YES	Type ID

[11] Bång MenuType (<u>ID</u>,Name)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
ID	int	NO	ID
Name	nvarchar(50)	YES	Tên

[12] Bång Order (<u>ID</u>, CreatedDate, CustomerID, ShipName, ShipMobile, ShipAddress, ShipEmail, Status)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
ID	bigint	NO	ID
CreatedDate	datetime	YES	Ngày tạo
CustomerID	bigint	YES	ID khách hàng
ShipName	nvarchar(50)	YES	Tên khách hàng
ShipMobile	varchar(20)	YES	Điện thoại khách hàng
ShipAddress	nvarchar(50)	YES	Địa chỉ khách hàng
ShipEmail	nvarchar(50)	YES	Email khách hàng
Status	int	YES	Trạng thái

[13] Bång OrderDetail (ProductID, OrderID, Quantity, Price)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
ProductID	bigint	NO	ID sản phẩm
<u>OrderID</u>	bigint	NO	ID đặt hàng
Quantity	int	YES	Số lượng
Price	decimal(18, 0)	YES	Giá cả

[14] Bång Product (<u>ID</u>,Name, Code, MetaTilte, Desription, Image, MoreImages, Price, PromotionPrice, IncludeVat, Quantity, CategoryID, Detal, Warranty, CreateDate, CreateBy, ModifeDate, ModifeBy, MetaKeywords, MeteDesriptions, Status, TopHot, ViewCount)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
ID	bigint	NO	ID
Name	nvarchar(250)	YES	Tên
Code	varchar(10)		Mã
MetaTilte	varchar(250)	YES	Thẻ tiêu đề
Desription	nvarchar(500)	YES	Miêu tả
Image	nvarchar(250)	YES	Hình ảnh
MoreImages	xml	YES	Hình ảnh lớn
Price	decimal(18, 0)	YES	Giá cả
PromotionPrice	decimal(18, 0)	YES	Giá ưu đãi
IncludeVat	bit	YES	Thuế vật
Quantity	int	YES	Số lượng
CategoryID	bigint	YES	ID danh mục
Detal	ntext	YES	Chi tiết
Warranty	int	YES	Bảo hành
CreateDate	datetime	YES	Ngày tạo
CreateBy	varchar(50)	YES	Tạo bởi
ModifeDate	datetime	YES	Sửa ngày
ModifeBy	varchar(50)	YES	Người chỉnh sửa
MetaKeywords	nvarchar(250)	YES	Thẻ từ khóa
MeteDesriptions	nchar(250)	YES	Thẻ miêu tả
Status	bit	NO	Trạng thái
TopHot	datetime	YES	Nổi bật
ViewCount	int	YES	Đếm lượt click

[15] Bång ProductCategory (<u>ID</u>, Name, MetaTilte, ParentID, DisplayOrder, SeoTitle, CreateDate, CreateBy, ModifeDate, ModifeBy, MetaKeywords, MeteDesriptions, Status, ShowOnhome)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
ID	bigint	NO	ID
Name	nvarchar(250)	YES	Tên
MetaTilte	varchar(250)	YES	Thẻ tiêu đề
ParentID	bigint	YES	ID mục lớn
DisplayOrder	int	YES	Hiển thị đơn đặt hàng
SeoTitle	nvarchar(250)	YES	The seo
CreateDate	datetime	YES	Ngày tạo
CreateBy	varchar(50)	YES	Tạo bởi
ModifeDate	datetime	YES	Sửa ngày
ModifeBy	varchar(50)	YES	Người chỉnh sửa
MetaKeywords	nvarchar(250)	YES	Thẻ từ khóa
MeteDesriptions	nchar(250)	YES	Thẻ miêu tả
Status	bit	YES	Trạng thái

[16] Bång Role (ID, Name)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
ID	varchar(50)	NO	ID
Name	nvarchar(50)	YES	Tên

[17] Bång Slide (<u>ID</u>, Image, DisplayOder, Link, Desription, CreateDate, CreateBy, ModifeDate, ModifeBy, MetaKeywords, Status)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
<u>ID</u>	int	NO	ID
Name	nvarchar(250)	YES	Tên
DisplayOder	int	YES	Hiển thị đơn đặt hàng
Link	nvarchar(250)	YES	Đường dẫn

Desription	nvarchar(50)	YES	Miêu tả
CreateDate	datetime	YES	Ngày tạo
CreateBy	varchar(50)	YES	Tạo bởi
ModifeDate	datetime	YES	Sửa ngày
ModifeBy	varchar(50)	YES	Người chỉnh sửa
MetaKeywords	nvarchar(250)	YES	Thẻ từ khóa
MeteDesriptions	nchar(250)	YES	Thẻ miêu tả
Status	bit	YES	Trạng thái

[18] Bång SystemConfig (ID, Name, Type, Value, Status)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
<u>ID</u>	varchar(50)	NO	ID
Name	nvarchar(50)	YES	Tên
Type	varchar(250)	YES	Kiểu
Value	nvarchar(50)	YES	Giá trị
Status	bit	YES	Trạng thái

[19] **Bảng Tag** (<u>ID</u>, Name)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
<u>ID</u>	varchar(50)	NO	ID
Name	nvarchar(50)	YES	Tên

[20] Bång User (<u>ID</u>, UserName, PassWord, GroupID, Name, Address, Email, Phone, CreateDate, CreateBy, ModifeDate, ModifeBy, Status)

Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
<u>ID</u>	bigint	NO	ID
UserName	varchar(50)	YES	Tên người dùng
PassWord	varchar(50)	YES	Mật khẩu
GroupID	varchar(20)	YES	ID nhóm
Name	nvarchar(20)	YES	Tên
Address	nvarchar(50)	YES	Địa chỉ

Email	nvarchar(50)	YES	Thư điện tử
Phone	nvarchar(50)	YES	Điện thoại
CreateDate	datetime	YES	Ngày tạo
CreateBy	varchar(50)	YES	Tạo bởi
ModifeDate	datetime	YES	Sửa ngày
ModifeBy	varchar(50)	YES	Người chỉnh sửa
Status	bit	NO	Trạng thái

[21] Bång UserGroup ($\underline{\mathrm{ID}}$, Name)

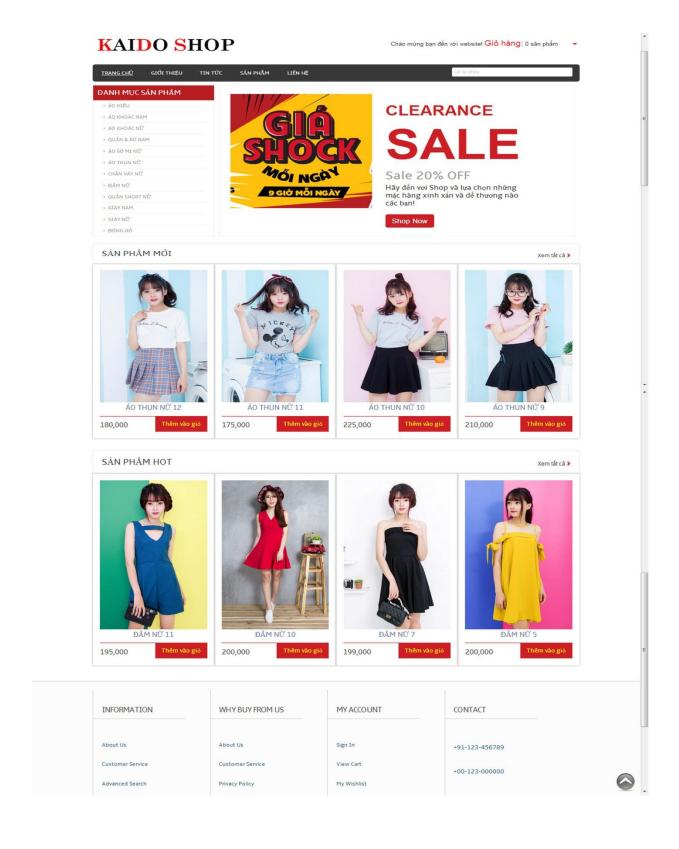
Column Name	Data type	Allow Nulls	Chú thích
<u>ID</u>	varchar(20)	NO	ID
UserName	nvarchar(50)	YES	Tên người dùng

CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

4.1 Giao diện chức năng và công nghệ thực hiện

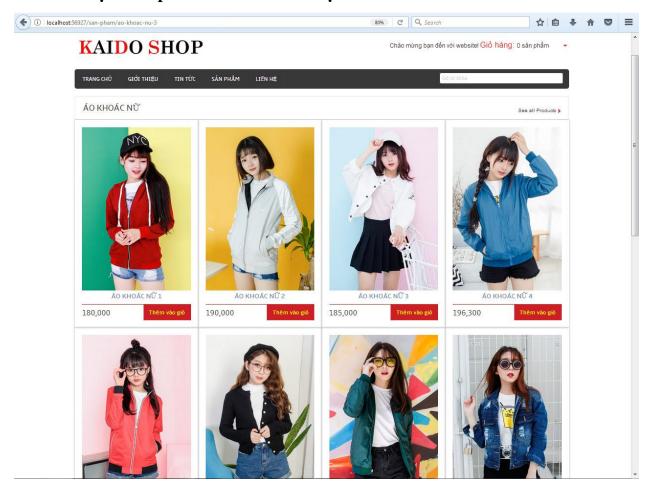
4.1.1 Giao diện trang người dùng

- > Công nghệ giao diện chung (dành cho người dùng)
- ASP.NET MVC 5
- HTML5
- CSS3
- Ajax
- JQuery
- Javacript
- Bootstrap
- Seo Optimize
- Google API (Google map)
- Facebook API
- > Giao diện "Trang chủ" (dành cho người dùng)

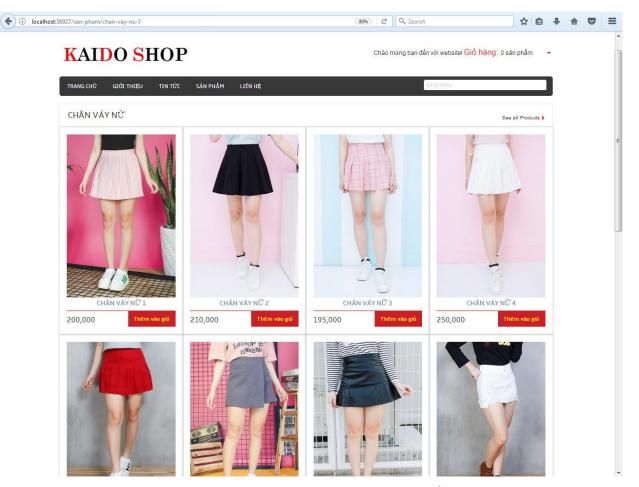


- Chức năng: là giao diện chính của Website.
- Công nghệ: HTML5, CSS3, RESPONSIVE, JQUERY, Ajax.

> Giao diện "sản phẩm theo các danh mục "



- Chức năng: khi người dùng click vào danh mục sản phẩm "Áo khoác nữ" sẽ xuất hiện các sản phẩm thuộc danh mục đó.
- Công nghệ: HTML5, CSS3(Menu), JQUERY, RESPONSIVE, SEO, Ajax.

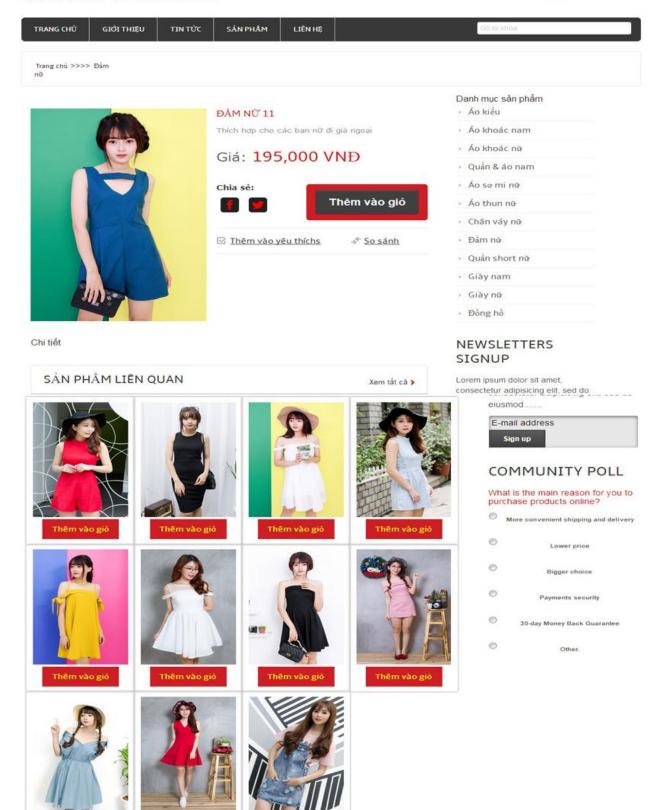


- Chức năng: khi người dùng click vào danh mục sản phẩm "Chân váy nữ" sẽ xuất hiện các sản phẩm thuộc danh mục đó.
- Công nghệ: HTML5, CSS3(Menu), JQUERY, RESPONSIVE, SEO, Ajax.

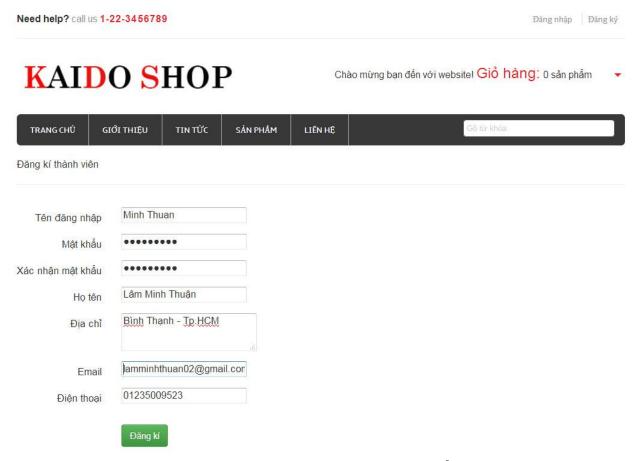
> Giao diện "Chi tiết sản phẩm "

- Chức năng: Xem chi tiết thông tin sản phẩm.
- Công nghệ: HTML5, CSS3(Menu), JQUERY, RESPONSIVE, SEO, Ajax.



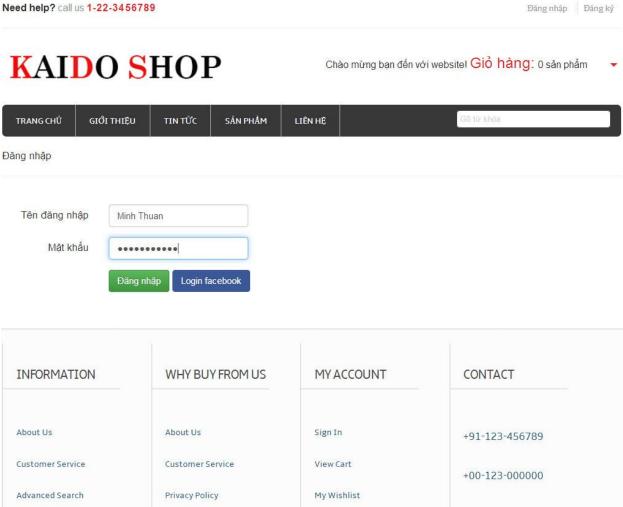


Giao diện "Đăng kí tài khoản của khách hàng"



- Chức năng: Người dùng đăng ký thành viên của shop để mua hàng, cập nhật tin tức
- Công nghệ: HTML5, CSS3(Menu), JQUERY, RESPONSIVE, Ajax.
- Giao diện "Đăng nhập tài khoản của khách hàng"
 - Chức năng: Dành cho người dùng đăng nhập.
 - Công nghệ: HTML5, CSS3(Menu), JQUERY, RESPONSIVE, FACEBOOK API, Ajax.

Orders and Returns



Giao diện "Đăng nhập tài khoản của khách hàng"

Site Map

• Chức năng: Thông tin liên hệ của Shop, khách hàng có thể gửi thông tin theo form hoặc đi theo google map.

Track My Order

■ Công nghệ: HTML5, CSS3, JQUERY, RESPONSIVE, GOOGLE MAP API, Ajax.

Map Data po Terms of Use

Chào mừng bạn đến với website! Giỏ hàng: 1 sản phẩm

KAIDO SHOP

TRANG CHỦ GIỚI THIỀU TIN TỨC SÅN PHÅM LIÊN HỆ THÔNG TIN LIÊN HÊ BẢN ĐÔ Vietcombank Website KaiDoShop ùa Bửu Liên Auto Bank Địa chỉ: XVNT-P.25-Q.Bình Thạnh-Tp.HCM **(1)** Điện thoại: 01235009523 Cafe Cối Đá Cầu Nghệ Tĩnh Simpatico Coffee **GỬI THÔNG TIN** nh Du ry Store Họ tên Ale Cafe Cà phê Nhện CLB Gia sư Sinh viên TP HCM Điện thoại Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Mỹ.. Địa chỉ Đại Học Công Nghệ HUTECH cơ sở Ung. Email Yêu cầu Nhà Hàng Thủy - Tôm Sauna Cybercore Gaming Arena 0 Xiên Xiên 🚻

➤ Giao diện "Giỏ hàng "

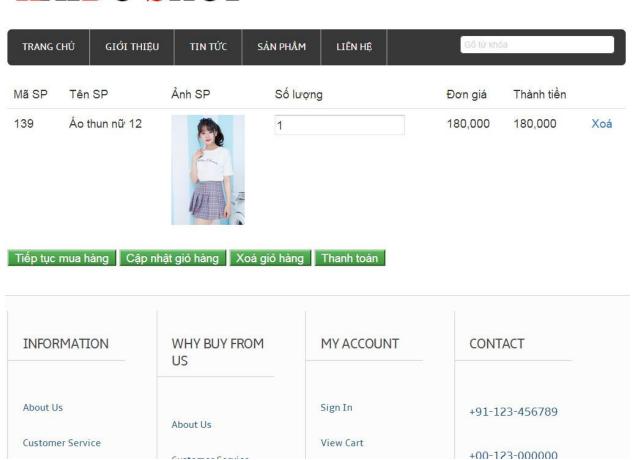
 Chức năng: Giới thiệu với người dùng chi tiết giỏ hàng (tiếp tục mua hàng, cập nhật giỏ hàng, xóa giỏ hàng, thanh toán)

Hém 42 Ung Văn X

• Công nghệ: HTML5, CSS3, JQUERY, RESPONSIVE, AJAX, JAVASCRIPT.

KAIDO SHOP

Chào mừng bạn đến với website! Giổ hàng: 1 sản phẩm



Giao diện "tin tức "

- Chức năng: Xem các tin tức cập nhật hàng ngày của shop.
- Công nghệ: HTML5, CSS3, JQUERY, RESPONSIVE, AJAX, JAVASCRIPT.





TIN TÚC SĂN PHẨM

LIÊN HE

TIN TÚC



TIN TỰC DEMO Posted on 5/5/2017 3:33:50 PM by



TIN TỰC TRONG NGÀY Posted on 5/5/2017 3:16:23 PM by Tổng thống Trump sang Việt Nam

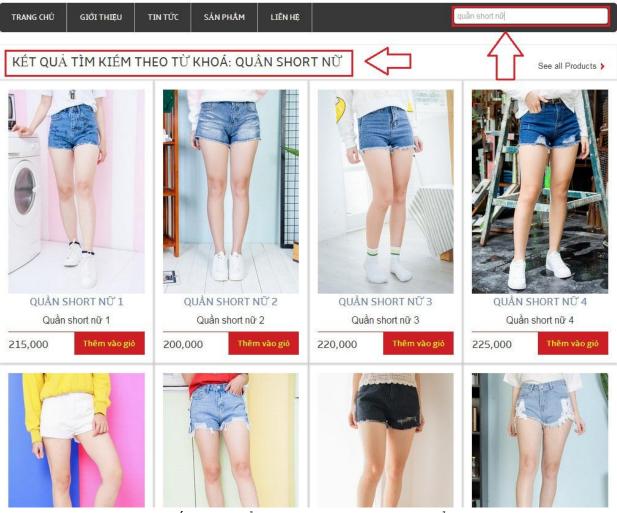


TIN TỰC NÓI BẬT Posted on 5/5/2017 1:21:03 AM by sdfsfd

> Giao diện "Tìm kiếm sản phẩm "

KAIDO SHOP

Chào mừng bạn đến với website! Giổ hàng: 1 sản phẩm

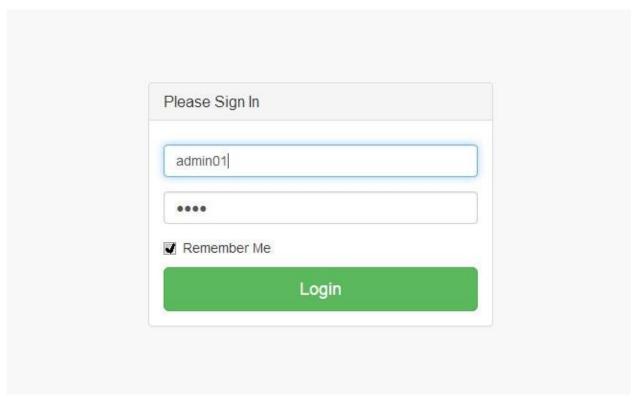


- Chức năng: Tìm kiếm sản phẩm theo mã hoặc tên sản phẩm.
- Công nghệ: HTML5, CSS3, JQUERY, RESPONSIVE, AJAX, JAVASCRIPT.

4.1.2 Giao diện trang quản trị (Giao diện quản lý hệ thống Admin)

- HTML5
- CSS3
- RESPONSIVE
- BOOTSTRAP
- JQUERY
- JAVASCRIPT

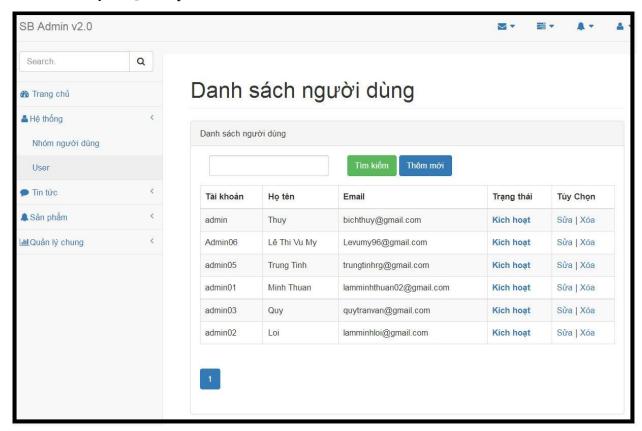
Giao diện "Đăng nhập admin"



- Chức năng: Giao diện đăng nhập dành cho Administrator
- Công nghệ: HTML5, CSS3(Menu), RESPONSIVE, BOOTSTRAP.
- Giao diện "Trang chủ admin"
 - Chức năng: Giao diện quản lí chính, thống kê tình trạng website
 - Công nghệ: HTML5, CSS3, JQUERY, RESPONSIVE, BOOTSTRAP.

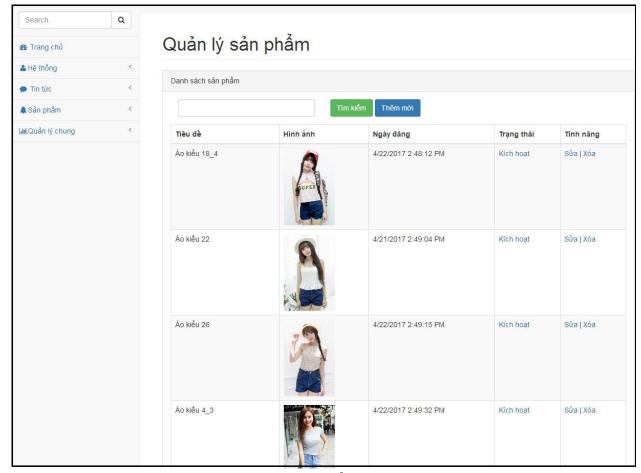


> Giao diện "Quản lý user "



- Chức năng: Giao diện quản lí danh sách người dùng và phân trang theo từng mục.
- Công nghệ: HTML5, CSS3, JQUERY, RESPONSIVE, BOOTSTRAP.

> Giao diện "Quản lý sản phẩm "



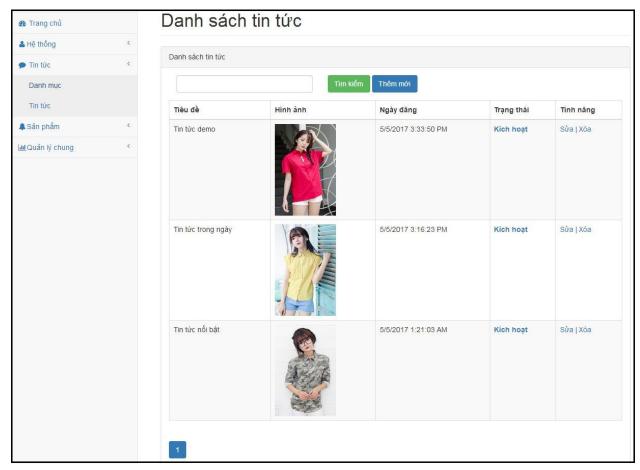
- Chức năng: Quản lý các danh mục sản phẩm và phân trang theo từng mục.
- Công nghệ: HTML5, CSS3, JQUERY, RESPONSIVE, BOOTSTRAP.

> Giao diện "tạo mới sản phẩm "

- Chức năng: Tạo mới sản phẩm cho các sản phẩm.
- Công nghệ: HTML5, CSS3, JQUERY, RESPONSIVE, BOOTSTRAP.



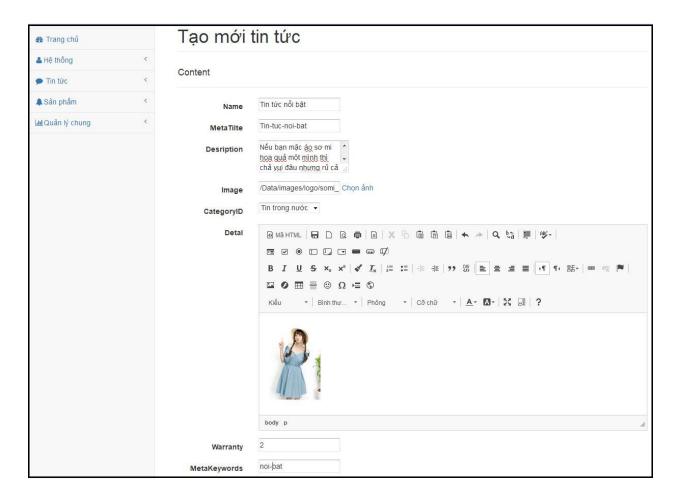
➤ Giao diện "Quản lý tin tức"



- Chức năng: Quản lý tin tức và phân trang theo từng mục.
- Công nghệ: HTML5, CSS3, JQUERY, RESPONSIVE, BOOTSTRAP.

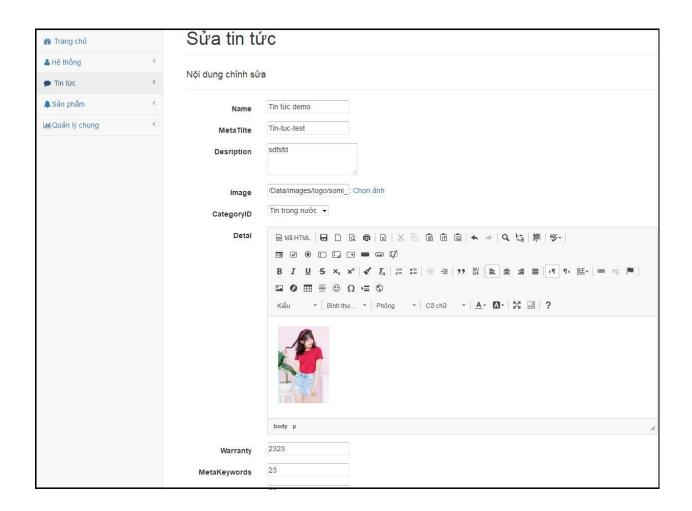
Giao diện "Tạo mới tin tức "

- Chức năng: Tạo mới tin tức và dùng CkEditor để viết bài.
- Công nghệ: HTML5, CSS3, JQUERY, RESPONSIVE, BOOTSTRAP.



> Giao diện "Chỉnh sửa tin tức"

- Chức năng: chỉnh sửa tin tức và dùng CkEditor để chỉnh sửa bài.
- Công nghệ: HTML5, CSS3, JQUERY, RESPONSIVE, BOOTSTRAP.



CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN

5.1 Kết quả nhận được

5.1.1 Những điểm làm được

Giao diện người dùng	Giao diện quản trị hệ thống
Trang chủ người dùng	Trang chủ admin
Sản phẩm theo danh mục	Đăng nhập (cho admin)
Chi tiết sản phẩm	Phân quyền
Đăng ký tài khoản	Thông tin thành viên
Đăng nhập	Quản lý sản phẩm
Trang thông tin người dùng	Quản lý tin tức
Tìm kiếm sản phẩm	Quản lý chi tiết đơn đặt hàng
Giỏ hàng (thêm, xóa, sửa)	
Kết thúc mua hàng	
Thanh toán	
Giới thiệu	
Tin tức	
Liên hệ	

5.1.2 Những điểm chưa làm được

➤ Đối với người dùng:

- Đa ngôn ngữ
- Thanh toán điện tử
- Quảng cáo
- Website chưa sử dụng nhiều hiệu ứng bắt mắt để làm cho trang web tăng thêm tính thẩm mĩ và tạo sống động hơn, thu hút người xem vào web.

Đối với người quản trị

- Quản lý hình size
- Quảng cáo
- Quản lý đơn hàng
- Chưa thực hiện được chức năng thống kê

5.2 Hướng phát triển

- Để tăng thêm sức thu hút của website hơn nữa tương lai em sẽ bổ xung và hoàn thiện thêm giao diện cho người dùng, thêm chức năng thống kê cho website.
- Xây dựng thêm nhiều chức năng cho người quản trị, tối ưu việc tìm kiếm thông qua việc liên hệ giữa các bảng nhằm rút ngắn thời gian thời gian cho người quản trị.
- Xây dựng thêm chức năng quản lý Baner, bảng giá trong phần admin
- Thanh toán sản phẩm ngân hàng trực tuyến như: Vietcombank, VietTinBank, Paypal...
- Tìm hiểu sâu hơn về ngôn ngữ ASP.NET MVC 5 và SQL Sever để có thể đáp ứng nhiều hơn nữa nhu cầu của người sử dụng, phát triển và tối ưu hóa hệ thống.

CHƯƠNG 6: TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] http://www.thayphet.net/
- [2] Lê Thị Minh Nguyện. Phân tích thiết kết hệ thống. Đại Học Công Nghệ Tp.HCM
- [3] Tích hợp Facebook và Google API: https://www.youtube.com/watch?v=B9ZIEjxgm0A
- [4] https://www.w3schools.com/
- [5] Tìm hiểu về Ajax http://tailieuhoctap.vn/chi-tiet-sach/180-nganh-cong-nghe-thong-tin/lap-trinh-web/767741-tai-lieu-huong-dan-ajax
- [6] http://itprotraining.vn/vi/asp-net-mvc/gioi-thieu-lap-trinh-asp-net-mvc-visual-studio-2015-bai-1